

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ HỒNG ANH

Điện thoại: 0975036888

Mail: lananhpham78@gmail.com

THỰC ĐƠN BỮA TRƯA HỌC SINH BÁN TRÚ

Tuần 09/Năm học 2025 - 2026 (35.000/suất đã bao gồm thuế VAT) (27-31/10/2025)

STT	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
1	Thịt vai hầm củ quả	Đậu nhộng sốt thịt cà chua	Gà rang muối	Cá tẩm bột chiên giòn	Thịt bò hầm sốt vang
2	Kimbap chiên	Chả lá lốt	Chả lụa rim mắm	Thịt băm xào nấm hương hành tây	Súp gà ngô
3	Bắp cải xào	Su su xào cà rốt	Giá đỗ xào	Khoai tây xào	
4	Canh thịt nấu chua	Canh khoai tây nấu thịt	Canh bí xanh nấu xương	Canh bí ngô nấu thịt	
5	Cơm gạo tẻ	Cơm gạo tẻ	Cơm gạo tẻ	Cơm gạo tẻ	Bánh mì chuột
6	Caramen	Sữa chua Elovi	Chuối tiêu chín	Sữa chua uống Zinkids	Bánh bơ ruốc

*** Ghi chú : Thực đơn có thể thay đổi theo tình hình thực tế nhưng không làm giảm hàm lượng dinh dưỡng !**

Pham Thi Lan Anh

Hiệu trưởng
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
GIANG BIÊN
Nguyễn Văn Kỳ

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ HỒNG ANH

Địa chỉ: Tổ 5 Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0975036888

Mail: lananhpham78@gmail.com

THỰC ĐƠN BỮA TRƯA HỌC SINH BÁN TRÚ

Tuần 09/Năm học 2025 - 2026 (35.000/suất đã bao gồm thuế VAT) (27-31/10/2025)

Thứ	Tên thực phẩm	ĐỊNH LƯỢNG TP(KG)		QUÀ CHIỀU	Kalo
		Sống	Chín		
Thứ Hai	Thịt vai hầm củ quả	0.0566+0.035	0.045+0.025	Caramen	715
	Kimbap chiên	3	3		
	Bắp cải xào	0.05	0.03		
	Canh thịt nấu chua	0.02	0.01		
	Cơm gạo tẻ	0.1	0.115		
Thứ Ba	Đậu nhộng sốt thịt cà chua	0.065+0.025	0.045+0.015	Sữa chua Elovi	715
	Chả lá lốt	0.0592	0.045		
	Su su xào cà rốt	0.05	0.03		
	Canh khoai tây nấu thịt	0.025	0.01		
	Cơm gạo tẻ	0.1	0.115		
	Gà rang muối	0.131	0.065		

Thứ Tư	Chả lụa rim mắm	0.03	0.03	Chuối tiêu chín	715
	Giá đỗ xào	0.05	0.03		
	Canh bí xanh nấu xương	0.025	0.01		
	Cơm gạo tẻ	0.1	0.115		
Thứ Năm	Cá tẩm bột chiên giòn	0.0576	0.045	Sữa chua uống Zinkids	715
	Thịt băm xào nấm hương hành tây	0.03+0.03	0.02+0.02		
	Khoai tây xào	0.05	0.03		
	Canh bí ngô nấu thịt	0.025	0.01		
	Cơm gạo tẻ	0.1	0.115		
Thứ Sáu	Thịt bò hầm sốt vang	0.073	0.045	Bánh bơ ruốc	715
	Súp gà ngô	1	1		
	Bánh mì chuột	1.5	1.5		

*** Ghi chú: Thực đơn có thể thay đổi theo tình hình thực tế nhưng không làm giảm hàm lượng dinh dưỡng !**



Phạm Thị Lan Anh



Nguyễn Văn Kỳ

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HỒNG ANH



THỰC ĐƠN CHI TIẾT TUẦN - ĐỊNH LƯỢNG CALO

TUẦN 09/10/ Năm học 2025 - 2026 * (27-31/10/2025)

Đơn giá: 35.000/1 suất ăn (Có bữa phụ) (Đã bao gồm thuế VAT)

Thứ	Tên thực phẩm	Lượng(kg)	T/ phẩm(kg)	Giá tiền	Thành tiền	Kalo	Chi phí khác	Số tiền	Thuế 8 %	ĐGBQ/s uất
THỨ 2	Thịt vai hầm củ quả	0.0566	0.045	160,000	9,052	715	Chi phí khác	100	2,223	
	Củ quả hầm thịt	0.035	0.025	25,000	875		Lương	3,500		
	Kim bắp chiên	3	3	2,000	6,000		Điện, nước	500		
	Bắp cải xào	0.05	0.03	25,000	1,250		Lãi	100		
	Canh thịt nấu chua	0.02	0.01	25,000	500					
	Thịt nấu canh	0.001	0.001	160,000	160					
	Caramen	1	1	5,000	5,000					
	Cơm(Gạo)	0.1	0.115	23,500	2,350					
	Điện nấu bếp+ Điều hòa	1.3	1.1	500	650					
	Gia vị +dầu+đường	1.1	0.07	1,250	1,375					
	Gas	0.035	0.25	39,000	1,365					
	Tổng				28,577			4,200	2,223	35,000
THỨ 3	Đậu Nhật sốt thịt cà chua	0.065	0.045	39,000	2,530	715	Chi phí khác	100	2,223	
	Thịt sốt đậu	0.025	0.015	160,000	4,000		Lương	3,500		
	Chả lá lốt	0.0592	0.045	160,000	9,472		Điện, nước	500		
	Lá lốt	0.01	0.001	30,000	300		Lãi	100		
	Su su xào cà rốt	0.05	0.03	25,000	1,250					
	Canh khoai tây nấu thịt	0.025	0.01	25,000	625					
	Thịt nấu canh	0.001	0.0001	160,000	160					
	Sữa chua Elovi	1	1	4,500	4,500					
	Cơm(Gạo)	0.1	0.115	23,500	2,350					
	Điện nấu bếp+ Điều hòa	1.3	1.1	500	650					
	Gia vị +dầu+đường	1.1	0.07	1,250	1,375					
	Gas	0.035	0.25	39,000	1,365					
	Tổng				28,577			4,200	2,223	35,000
	Gà rang muối	0.131	0.045	95,000	12,437		Chi phí khác	100	2,223	
	Chả lụa rim mắm	0.03	0.03	155,000	4,650		Lương	3,500		

THỨ 4	Giá đồ xào	0.05	0.03	25,000	1,250	710	Điện, nước	500		
	Canh bí xanh nấu xương	0.025	0.01	26,000	650		Lãi	100		
	Xương nấu canh	0.01	0.001	35,000	350					
	Chuối tiêu chín	1	1	3,500	3,500					
	Cơm(Gạo)	0.1	0.115	23,500	2,350					
	Điện nấu bếp+ Điều hòa	1.3	1.1	500	650					
	Gia vị +dầu+đường	1.1	0.07	1,250	1,375					
	Gas	0.035	0.25	39,000	1,365					
	Tổng				28,577			4,200	2,223	35,000
THỨ 5	Cá tầm bột chiên giòn	0.0576	0.045	150,000	8,642	715	Chi phí khác	200	2,593	
	Thịt băm xào nấm hương hành	0.03	0.02	160,000	4,800		Lương	3500		
	Hành tây	0.02	0.01	30,000	600		Lãi	200		
	Nấm hương	0.001	0.0001	250,000	250		Điện nước	500		
	Khoai tây xào	0.05	0.03	25,000	1,250					
	Canh bí ngô nấu thịt	0.025	0.01	25,000	625					
	Thịt nấu canh	0.01	0.001	160,000	1,600					
	Sữa chua uống Zinkids	1	1	4,500	4,500					
	Cơm(Gạo)	0.1	0.115	23,500	2,350					
	Điện nấu bếp+ Điều hòa	1.3	1.1	500	650					
	Gia vị +dầu+đường	1.1	0.07	1,250	1,375					
	Gas	0.035	0.25	39,000	1,365					
	Tổng				28,007			4,400	2,593	35,000
THỨ 6	Thịt bò sốt vang	0.073	0.045	250,000	16,269	710	Chi phí khác	200	2,593	
	Cà chua	0.012	0.01	25,000	300		Lương	3500		
	Ngô ngọt	0.009	0.003	65,000	585		Lãi	200		
	Thịt gà	0.0057	0.35	100,000	570		Điện nước	500		
	Trứng gà	0.065	1	4,000	260					
	Giò lụa	0.0038	0.035	160,000	608					
	Bánh mì chuột	1.5	1.5	3,000	4,500					
	Gia vị +dầu+đường	1.5	1.3	1,500	2,250					
	Gas	0.035	0.035	39,000	1,365					
	Điện nấu bếp + Điều hòa	1.3	1.1	1,000	1,300					
	Tổng				28,007			4400	2,593	35,000

*** Ghi chú : Thực đơn có thể thay đổi theo tình hình thực tế nhưng không làm giảm hàm lượng dinh dưỡng !**